

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH GIAO TIẾP 1

Số tín chỉ: 04

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Việt Nam học

Năm 2021

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Việt Nam học

- 1. Tên học phần:** Tiếng Anh giao tiếp 1
- 2. Mã học phần:** TANH 021
- 3. Số tín chỉ:** 04(4,0)
- 4. Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ nhất
- 5. Phân bố thời gian:**
 - Lên lớp: 60 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành
 - Tự học: 120 giờ
- 6. Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã được học tiếng Anh ở bậc học phổ thông
- 7. Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 12 bài học cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Tên và nghề nghiệp, con người, nơi chốn, gia đình, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, máy tính và internet, lễ hội, khoa học, công nghệ, công việc và văn hóa. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ pháp về động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ, hiện tại hoàn thành, cấu trúc so sánh, will và be going to, have to, mệnh lệnh thức, giới từ và, phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại: can, have got, there is/are, like... và một số loại câu hỏi dạng đảo và câu hỏi có từ để hỏi. Mỗi bài học đều luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề từ vựng cũng như cấu trúc ngữ pháp đó. Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể giao tiếp bằng tiếng Anh về các chủ điểm bài học.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Đọc và sử dụng đúng các cấu trúc tiếng Anh trình độ cơ bản (Elementary): Động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, động từ khuyết thiếu. Phân biệt danh từ đếm được và danh từ không đếm được.	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Sử dụng được các từ vựng, cấu trúc trên diễn tả các chủ điểm: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu về con người, các hoạt động hàng ngày, giới thiệu về gia đình, đồ vật, địa điểm, nghề nghiệp, công việc thường ngày, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, lễ hội, công nghệ, môi trường, công việc, nơi làm việc, thể giới.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói, hội thoại được về các chủ điểm giao tiếp quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu về bản thân và người khác, miêu tả các thói quen hàng ngày, các hoạt động giải trí, hội thoại được về cách hỏi đường, thời gian và gọi đồ ăn trong nhà hàng, lễ hội của địa phương, của thế giới, công việc của bản thân, của người khác, phát minh hoặc thành tựu khoa học...	3	[1.2.2.4]
MT2.2	Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp thông thường. Đọc hiểu được các đoạn văn 200-300 từ về các chủ điểm giao tiếp trong chương trình như đoạn văn miêu tả bạn thân, bưu thiếp, đoạn văn miêu tả người, nơi chốn, bản đồ, sơ đồ đơn giản, tờ quảng cáo bán hàng, bài báo ngắn hoặc tiểu sử.	3	[1.2.2.4]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT2.3	Viết được các đoạn văn 150-200 từ về các chủ điểm: Miêu tả người, miêu tả nơi chốn, sự kiện, viết đoạn văn so sánh, miêu tả nơi ở, kể lại một ngày làm việc, thói quen, viết đoạn văn về dự định, kế hoạch trong tương lai, lễ hội, một phát minh, một ứng dụng công nghệ, hoặc vấn đề môi trường tự nhiên hiện nay.	4	[1.2.2.4]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	Có khả năng hiểu và sử dụng các cấu trúc câu đơn giản: động từ to be, đại từ nhân xưng; tính từ, đại từ sở hữu; giới từ chỉ thời gian, địa điểm; đại từ bất định... Phân biệt được các thời động từ: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, hiện tại hoàn thành, động từ khuyết thiếu. Phân biệt danh từ đếm được và danh từ không đếm được.	1	[2.1.2]
CDR1.2	Trình bày được các từ vựng theo các chủ điểm: Chào hỏi, làm quen, giới thiệu về con người, các hoạt động hàng ngày, giới thiệu về gia đình, đồ vật, địa điểm,	2	[2.1.2]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
	nghề nghiệp, công việc thường ngày, thể thao, sức khỏe, đồ ăn, quần áo, lễ hội, công nghệ, môi trường, công việc, nơi làm việc, thể giới...		
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Có khả năng giới thiệu bản thân và những người khác, có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu. Có khả năng giới thiệu về một lễ hội ở địa phương mình ở hoặc trên thế giới, thuyết minh về một phát minh, một sản phẩm công nghệ, trình bày về công việc của bản thân hoặc của người khác...	3	[2.2.5]
CDR2.2	Có thể giao tiếp một cách rõ ràng, lưu loát về các chủ điểm đã được thực hành trên lớp.	3	[2.2.5]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
CDR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	Starter 1 1. Grammar: to be; possessive adjectives; subject pronouns 2. Vocabulary: The alphabets; nationalities; months	X	X	X	X	X		X
2	Starter 2 1. Grammar: Nouns; this, that, these, those 2. Vocabulary: School equipment; number; telling the time	X	X	X	X	X	X	X
3	Unit 1: It's my life 1.1. Vocabulary & grammar: My things 1.2. Grammar focus: Have got 1.3. Vocabulary & listening:	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
	My family 1.4. Grammar focus: Possessive 's 1.5. Grammar focus: There is/are; possessive pronouns 1.6. Listening & writing 1.7. Real time							
4	Unit 2: Your day 2.1. Vocabulary & reading: School life 2.2. Grammar focus: present simple affirmative; time expressions 2.3. Vocabulary & reading: Routines 2.4. Grammar focus: Present simple negative; object pronouns 2.5. Grammar focus: Present simple questions 2.6. Vocabulary & speaking: Free time 2.7. Active study 1	X	X	X	X	X	X	X
5	Unit 3: Urban life 3.1. Vocabulary & listening: Shopping 3.2. Grammar focus: Countable & uncountable nouns; some/ any 3.3. Vocabulary & Listening: My home 3.4. Grammar focus: Much/ many/ a lot of 3.5. Reading & vocabulary 3.6. Vocabulary & listening: In town 3.7. Speaking & writing 3.8. Real time	X	X	X	X	X	X	X
6	Unit 4: Keep fit 4.1. Vocabulary & speaking: Sport 4.2. Grammar focus: Can 4.3. Vocabulary & reading: Health 4.4. Grammar focus: adverbs; imperatives 4.5. Vocabulary & reading: Extreme Sport 4.6. Listening & speaking 4.7. Active study 2	X	X	X	X	X	X	X
7	Unit 5: Eat well 5.1. Vocabulary & listening: Food 5.2. Grammar focus: Like/ love/ hate + ing 5.3. Grammar focus: articles 5.4. Vocabulary & writing: Cooking 5.5. Speaking & vocabulary 5.6. Reading & listening 5.7. Real time	X	X	X	X	X	X	X
8	Unit 6: My time 6.1. Grammar focus: Present continuous	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
	6.2. Listening & speaking 6.3. Vocabulary & reading: Clothes 6.4. Reading & speaking 6.5. Listening & Speaking 6.6. Active study 3							
9	Unit 7: Festival fever 7.1. Vocabulary: Reading: Music 7.2. Grammar: Past simple: To be 7.3. Vocabulary: Reading: Festivals 7.4. Grammar focus: Past simple affirmative 7.5. Reading and speaking 7.6. Listening 7.7. Real time	X	X	X	X	X	X	X
10	Unit 8: Weird science 8.1. Vocabulary & reading: Everyday technology 8.2. Grammar focus: Past simple negative and questions 8.3. Vocabulary & reading: Modern science 8.4. Grammar focus: Past simple and question words	X	X	X	X	X	X	X
11	Unit 9: Go green 9.1. Vocabulary & listening: Green lifestyle 9.2. Grammar focus: Comparative Adjectives 9.3. Vocabulary & reading: Our planet 9.4. Grammar focus: Will for predictions 9.5. Vocabulary & listening: Weather 9.6. Reading and speaking 9.7. Listening and writing 9.8. Real time	X	X	X	X	X	X	X
12	Active study 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	X	X	X	X	X	X	X
13	Unit 10: Getting away 10.1. Grammar focus: Superlative adjectives 10.2. Reading and speaking 10.3. Vocabulary and speaking: Summer holidays 10.4. Grammar focus: Be going to 10.5. Vocabulary and reading: Transport 10.6. Listening and speaking	X	X	X	X	X	X	X
14	Unit 11: Nice work? 11.1. Vocabulary & reading: Jobs 11.2. Grammar focus: Have to 11.3. Listening & reading	X	X	X	X	X	X	X

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
	11.4. Grammar focus: prepositions 11.5. Vocabulary & speaking: Personal qualities 11.6. Vocabulary & reading: Jobs 11.7. Listening & reading 11.8. Real time							
15	Unit 12: Our world 12.1. Reading & speaking 12.2. Grammar focus: If - imperative 12.3. Vocabulary & reading: Politics 12.4. Grammar focus: Present perfect 12.5. Reading & vocabulary 12.6. Listening & speaking	X	X	X	X	X	X	X
16	Active study 1. Vocabulary 2. Grammar 3. Reading skills 4. Listening skills 5. Speaking skills	X	X	X	X	X	X	X

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà	1 điểm	20%	

	của sinh viên			
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Trắc nghiệm Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức vấn đáp. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 2 câu hỏi: Giới thiệu bản thân và bóc thăm 1/10 chủ đề nói cho trước.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng Quản lý chất lượng chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trực tiếp trên máy tính. Nội dung thi kết thúc học phần gồm 2 phần chính: Nghe và đọc hiểu.

- Nghe: Có 3 nội dung:

+ Nghe chọn đáp án cho câu hỏi

+ Nghe 1 đoạn hội thoại và ghép câu hỏi và câu trả lời

+ Nghe 1 bài thuyết trình và chọn đáp án cho các câu hỏi

- Đọc hiểu: Gồm 4 nội dung

+ Đọc bảng thông báo và chọn đáp án phù hợp

+ Đọc đoạn văn và chọn từ điền vào chỗ trống

+ Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

+ Chọn từ điền vào chỗ trống

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá

trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: Hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

Tại các phòng học thực hành ngoại ngữ, giảng viên tổ chức cho sinh viên luyện kĩ năng nghe thông qua phần mềm multimedia để sinh viên luyện nghe tốt hơn. Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên, quan tâm tới công tác hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng hội thoại, giao tiếp bằng tiếng Anh trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc giao tiếp, tôn trọng nền văn hóa bản địa và nền văn hóa Anh. Chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, hội thoại tiếng Anh trình độ sơ cấp.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của Trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học tập:

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] Marty Hobbs Julia Starr Keddle. *Real life – Elementary – Students’ book*. Pearson Longman.

- **Tài liệu tham khảo:**

[2]. Raymond Murphy. *English Grammar in Use*. Cambridge Press

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Starter 1&2 Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ quốc gia, các tháng trong năm, bảng chữ cái, các dụng	4	0	[1] [2]	- Tìm hiểu cách chia động từ to be, phân biệt đại từ nhân xưng và tính từ sở hữu tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập 1-8 trang 1-3 phần bài tập tài liệu [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>cụ học tập, số đếm và cách nói thời gian</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ to be, tính từ sở hữu và các đại từ nhân xưng. - Hiểu và biến đổi các danh từ và đại từ bất định. - Hội thoại giới thiệu bản thân và người khác. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>Starter 1</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Grammar: To be; possessive adjectives; subject pronouns 2. Vocabulary: The alphabets; nationalities; months <p>Starter 2</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Grammar: Nouns, this, that, these, those 2. Vocabulary: School equipment; number; telling the time 				<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê tên gọi của các quốc gia trên thế giới. - Liệt kê được các từ vựng chỉ dụng cụ học tập. - Tìm hiểu và phân biệt danh từ số ít và danh từ số nhiều trong tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 4-5 phần bài tập tài liệu [1]. - Lập hội thoại hỏi giờ.
2	<p>Unit 1: It's my life</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ các vật dụng cá nhân, từ chỉ các thành viên trong gia đình - Hiểu và cấu tạo động từ Have got và sử dụng sở hữu cách, cấu trúc There is/are và đại từ sở hữu. - Giới thiệu về gia đình. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Vocabulary & grammar: My things 1.2. Grammar focus: Have got 1.3. Vocabulary & listening: My family 1.4. Grammar focus: Possessive 's 1.5. Grammar focus: There is/are; possessive pronouns 1.6. Listening & writing 1.7. Real time 	4	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng chỉ đồ vật trong nhà, từ vựng chỉ thành viên trong gia đình. - Tìm hiểu cách sử dụng động từ Have got và sở hữu cách trong tiếng Anh trong tài liệu [2]. - Lập hội thoại hỏi đáp về các thành viên trong gia đình. - Hoàn thành bài tập trang 6-9 phần bài tập tài liệu [1] - Tìm hiểu cách sử dụng cấu trúc There is/are tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập trang 10-13 phần bài tập tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại làm quen, giới thiệu bản thân.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
3	<p>Unit 2: Your day Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các môn học ở trường, từ vựng chỉ thói quen hàng ngày, các hoạt động giải trí. - Hiểu và cấu tạo động từ ở thì hiện tại đơn và các cụm từ diễn đạt thời gian. - Hiểu và đặt câu hỏi với thì hiện tại đơn. - Nói về 1 ngày của mình với các hoạt động rảnh rỗi.</p> <p>Nội dung cụ thể: 2.1.Vocabulary & reading: School life 2.2.Grammar focus: Present simple affirmative; time expressions 2.3.Vocabulary & reading: Routines 2.4.Grammar focus: Present simple negative; object pronouns 2.5.Grammar focus: Present simple questions 2.6.Vocabulary & speaking: Free time 2.7. Active study 1</p>	4	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng chỉ môn học, thói quen hàng ngày. - Tìm hiểu cách chia động từ thì hiện tại đơn trong tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 14-17 phần bài tập tài liệu [1] - Tra từ mới phần Reading tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 18-21 phần workbook tài liệu [1] - Hoàn thành các bài tập trong phần Activestudy tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại chào hỏi và làm quen.
4	<p>Unit 3: Urban life Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các vật dụng và các đồ đạc trong gia đình, các tính từ chỉ nơi chốn, các danh từ chỉ địa điểm công cộng. - Hiểu và phân biệt danh từ đếm được và không đếm được. - Hội thoại miêu tả các phòng trong gia đình. - Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu miêu tả phương hướng. - Viết đoạn văn miêu tả 1 địa</p>	4	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Tra từ mới phần bài đọc trang 24 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 22-25 phần workbook tài liệu [1] - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được, cách sử dụng từ some/ any trong tài liệu [2]. - Tra từ điển phần bài đọc trang 28 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 26-29 phần workbook tài liệu [1]. - Viết đoạn văn miêu tả thị trấn.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	điem cụ thể. Nội dung cụ thể: 3.1.Vocabulary & listening: Shopping 3.2.Grammar focus: Countable & uncountable nouns; some/any 3.3.Vocabulary & listening: My home 3.4.Grammar focus: Much/ many/ a lot of 3.5.Reading & vocabulary 3.6.Vocabulary & listening: In town 3.7. Speaking & writing 3.8.Real time				
5	Unit 4: Keep fit Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng về các môn thể thao, sức khỏe. - Hiểu và sử dụng động từ Can và mệnh lệnh thức. - Đọc hiểu, hội thoại về các hoạt động thể thao hoặc các môn thể thao yêu thích. Nội dung cụ thể: 4.1.Vocabulary & speaking: Sport 4.2.Grammar focus: Can 4.3.Vocabulary & reading: Health 4.4.Grammar focus: Adverbs; imperatives 4.5.Vocabulary & reading: Extreme sport 4.6.Listening & speaking 4.7. Active study 2	4	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng liên quan đến chủ đề thể thao, các từ chỉ bộ phận trên cơ thể người. - Tìm hiểu cách sử dụng động từ khuyết thiếu Can và trạng từ trong tài liệu [2]. - Hoàn thành bài tập trang 30-33 phần workbook tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại đưa ra lời khuyên. - Tra từ mới phần bài đọc trang 36 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 34-39 phần workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập trong phần Activestudy trang 38-39 tài liệu [1].
6	Unit 5: Eat well Mục tiêu: - Trình bày các từ vựng chỉ các món ăn. - Hiểu và cấu tạo động từ Like/love/hate và các mạo từ - Trình bày các bước nấu một	4	0	[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng về chủ đề thức ăn. - Tìm hiểu cách diễn đạt sở thích và cách dùng mạo từ trong tài liệu [2]. - Hoàn thành các bài tập trang 40-43 Workbook tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>món ăn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu và hội thoại gọi đồ ăn khi vào nhà hàng. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.1.Vocabulary & listening: Food</p> <p>5.2.Grammar focus: Like/love/ hate + ing</p> <p>5.3.Grammar focus: Articles</p> <p>5.4.Vocabulary & writing: Cooking</p> <p>5.5.Speaking & vocabulary</p> <p>5.6. Reading & listening</p> <p>5.7. Real time</p>				<ul style="list-style-type: none"> - Đọc, tra từ điển bài đọc trang 45 tài liệu [1]. - Viết 1 bưu thiếp gửi cho bạn. - Hoàn thành các bài tập trang 44-47 Workbook tài liệu [1].
7	<p>Unit 6: My time</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng chỉ trang phục. - Hiểu và cấu tạo động từ ở thì hiện tại tiếp diễn. - Hội thoại giới thiệu phong cách thời trang cá nhân. - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Miêu tả 1 bức tranh. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>6.1.Grammar focus: Present continuous</p> <p>6.2.Listening & speaking</p> <p>6.3.Vocabulary & reading: Clothes</p> <p>6.4. Reading & speaking</p> <p>6.5.Listening & speaking</p>	4	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tìm hiểu về thì hiện tại tiếp diễn trong tài liệu [2]. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến trang phục. - Phân biệt thì hiện tại đơn và hiện tại tiếp diễn. - Hoàn thành các bài tập trang 48-51 Workbook tài liệu [1]. - Tra từ mới phần bài đọc trang 52 tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập trang 52-55 Workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập phần bài đọc từ trang 61 đến 64 - Miêu tả một bức tranh.
8	<p>Active study 3</p> <p>Kiểm tra GHP</p>	4	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập các nội dung từ unit 1 đến unit 6 - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.
9	<p>Unit 7: Festival fever</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến lễ hội - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ ở thì quá khứ đơn (thể khẳng định) 	4	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu cách chia động từ to be ở quá khứ tài liệu [2] - Hoàn thành các bài tập 1-8 trang 56-57 tài liệu [1] - Liệt kê các từ vựng có liên quan đến âm nhạc, lễ hội. - Tìm hiểu cách sử dụng động từ

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>- Nghe hiểu và hội thoại về những hoạt động trong lễ hội.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.1. Vocabulary & reading: Music</p> <p>7.2. Grammar: Past simple: To be</p> <p>7.3. Vocabulary & reading: Festivals</p> <p>7.4. Grammar focus: Past simple affirmative</p> <p>7.5. Reading and speaking</p> <p>7.6. Listening</p> <p>7.7. Real time</p>				<p>thường ở thời quá khứ đơn trong tài liệu [2].</p> <p>- Hoàn thành bài tập trang 58-63 phần bài tập tài liệu [1].</p>
10	<p>Unit 8: Weird science</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Trình bày các từ vựng liên quan đến công nghệ, sáng tạo, phát minh</p> <p>- Hiểu và sử dụng thành thạo động từ ở thì quá khứ đơn (thể phủ định và nghi vấn)</p> <p>- Hội thoại về những phát minh, công nghệ, sáng tạo trong quá khứ</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>8.1. Vocabulary & reading: Everyday technology</p> <p>8.2. Grammar focus: Past simple negative and questions</p> <p>8.3. Vocabulary & reading: Modern science</p> <p>8.4. Grammar focus: Past simple and question words</p> <p>8.5. Listening and speaking</p> <p>8.6. Vocabulary & reading: Inventions</p> <p>8.7. Listening and speaking Active study 4</p>	4	0	[1] [2]	<p>- Liệt kê các từ vựng liên quan đến công nghệ và khoa học.</p> <p>- Tìm thì quá khứ đơn trong tài liệu [2].</p> <p>- Lập hội thoại hỏi đáp về các hoạt động cuối tuần.</p> <p>- Hoàn thành bài tập trang 64-67 phần bài tập tài liệu [1]</p> <p>- Hoàn thành các bài tập trang 1-9 trang 68-71 phần bài tập tài liệu [1].</p> <p>- Tra từ mới bài đọc trang 69 tài liệu [1].</p>
11	<p>Unit 9: Go green</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường</p> <p>- Hiểu và sử dụng thành thạo</p>	4	0	[1] [2]	<p>- Tìm hiểu cấu trúc so sánh hơn của tính từ, cách dùng Will chỉ sự phỏng đoán trong tài liệu [2].</p> <p>- Hoàn thành bài tập trang 74-77 phần workbook tài liệu [1]</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>cấu trúc so sánh của tính từ, cách nói phỏng đoán, thời tiết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội thoại về thời tiết - Nghe và trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề môi trường hiện nay và tương lai. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>9.1. Vocabulary & listening: Green lifestyle</p> <p>9.2. Grammar focus: Comparative adjectives</p> <p>9.3. Vocabulary & reading: Our planet</p> <p>9.4. Grammar focus: Will for predictions</p> <p>9.5. Vocabulary & listening: Weather</p> <p>9.6. Reading and speaking</p> <p>9.7. Listening and writing</p> <p>9.8. Real time</p>				<ul style="list-style-type: none"> - Thiết lập đoạn hội thoại về thời tiết. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến phong cách, thời tiết. - Tra từ mới phần bài đọc trang 76 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 78-81 phần workbook tài liệu [1] - Thiết lập đoạn hội thoại mua sắm quần áo trong cửa hàng.
12	<p>Unit 10: Getting away</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến kì nghỉ hè, giao thông vận tải. - Trình bày cấu trúc so sánh hơn nhất của tính từ - Trình bày cấu trúc nói về kế hoạch trong tương lai - Trình bày quan điểm của bản thân về vấn đề giao thông. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>10.1. Grammar focus: Superlative adjectives</p> <p>10.2. Reading and speaking</p> <p>10.3. Vocabulary and speaking: Summer holidays</p> <p>10.4. Grammar focus: Be going to</p> <p>10.5. Vocabulary and reading: Transport</p> <p>10.6. Listening and speaking</p> <p>Active study 5</p>	4	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu cấu trúc câu so sánh nhất trong tài liệu [2]. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến kì nghỉ hè. - Hoàn thành các bài tập trang 82-85 Workbook tài liệu [1]. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến chủ đề giao thông vận tải. - Tra từ mới phần bài đọc trang 84 tài liệu [1]. - Hoàn thành bài tập trang 86-87 phần workbook tài liệu [1]. - Hệ thống lại từ vựng, ngữ pháp của Unit 9-Unit 10 - Hoàn thành bài tập trang 88-89 tài liệu [1] - Tra từ mới phần Reading trang 87 tài liệu [1].
13	Unit 11: Nice work?	4	0		- Liệt kê các từ vựng về chủ đề

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhớ được các từ vựng liên quan đến công việc - Trình bày cấu trúc nói về trách nhiệm, sử dụng được đúng các giới từ cơ bản - Trình bày quan điểm của bản thân về phẩm chất của con người, về công việc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>11.1. Vocabulary & reading: Jobs</p> <p>11.2. Grammar focus: Have to</p> <p>11.3. Listening & reading</p> <p>11.4. Grammar focus: Prepositions</p> <p>11.5. Vocabulary & speaking: Personal qualities</p> <p>11.6. Reading & vocabulary</p> <p>11.7. Listening & speaking</p> <p>11.8. Real time</p>			[1] [2]	<p>công việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu cách dùng động từ have to trong tài liệu [2]. - Hoàn thành các bài tập trang 90-93 Workbook tài liệu [1]. - Đọc, tra từ điển bài đọc trang 92 tài liệu [1]. - Thiết lập đoạn hội thoại phỏng vấn xin việc. - Hoàn thành các bài tập trang 94-97 Workbook tài liệu [1]
14	<p>Unit 12: Our world</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhắc lại các từ vựng liên quan đến thế giới, chính trị - Trình bày cấu mệnh lệnh thức, hiện tại hoàn thành - Thực hành nói về chủ đề chính trị <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>12.1. Reading & speaking</p> <p>12.2. Grammar focus: If - imperative</p> <p>12.3. Vocabulary & reading: Politics</p> <p>12.4. Grammar focus: Present perfect</p> <p>12.5. Reading & vocabulary</p> <p>12.6. Listening & speaking</p>	4	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc tìm hiểu về mệnh lệnh thức với If trong tài liệu [2]. - Liệt kê các từ vựng liên quan đến chính trị. - Tìm hiểu cấu trúc, cách sử dụng thì hiện tại hoàn thành. - Hoàn thành các bài tập trang 98-101 Workbook tài liệu [1]. - Tra từ mới phần bài đọc trang 100 tài liệu [1].
15	<p>Active study 6</p> <p>1. Vocabulary</p> <p>2. Grammar</p> <p>3. Reading skills</p> <p>4. Listening skills</p>	4	0	[1] [2]	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành các bài tập trang 102-105 Workbook tài liệu [1]. - Hoàn thành các bài tập trang 102-109 tài liệu [1].

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	5. Speaking skills				
16	Ôn thi kết thúc học phần			[1] [2]	- Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp từ unit 1 đến unit 12. - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

Nguyễn Đăng Tiến

Trịnh Thị Chuyên